

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN BẮC
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17/04/2025

V/v: “Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lãng và bà Mai Thị Hồng Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/03/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/03/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thị B, sinh năm: 1977. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đàng Tấn T – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Mang T1, sinh năm: 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Thị B trình bày:

Bà và ông M Tiền tiền đến hôn nhân là tự nguyện, tổ chức cưới theo phong tục tập quán của người Raglay năm 2004 nhưng đến ngày 11/8/2010 mới đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B. Quá trình chung sống hai vợ chồng có với nhau 04 người con chung là Mang Hoàng C, sinh ngày: 07/11/2004, Mang Thị Tiên Đ, sinh ngày: 04/02/2007, Mang Phát Tài, sinh ngày: 27/11/2011 (cháu T2 đã chết năm 2024) và Thị Được L, sinh ngày: 23/10/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng khoảng ba, bốn năm gần đây thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do ông T1 thường xuyên uống rượu, chửi bới, đánh đập vợ con dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Từ hơn hai năm nay ông T1 đã về nhà cha mẹ sinh sống, vợ chồng không còn sống chung mà mỗi ai người đó sống, không quan tâm, chăm sóc hay thăm hỏi gì đến nhau nữa. Do cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông T1 đã không còn tồn tại nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn ông Mang T1.
- Về con chung: Hiện hai cháu lớn đã trưởng thành và lao động tự túc được, còn cháu nhỏ tên Thị Đ1 Lắm bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và bà không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Bà xin được miễn án phí sơ thẩm.

Bị đơn ông Mang T1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông không đến nên không có lời trình bày gì.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Mâu thuẫn giữa vợ chồng ông Mang T1 và bà Thị B đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn tồn tại nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao người con chung chưa thành niên cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu sống với mẹ từ nhỏ cho đến nay và cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí ly hôn cho nguyên đơn vì là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

- Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn bị đơn không chấp hành mặc dù Tòa án đã thông báo và tổng đạt họp lệ nhiều lần. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Mang T1 và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung chưa thành niên. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Xử lý về việc vắng mặt của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Thị B và ông Mang T1 xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông T1 – bà B sống hạnh phúc và có với nhau bốn người con chung nhưng thời gian sau này thì thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Từ hơn hai năm nay ông T1 đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng không còn sống chung mà mạnh ai người đó sống, không quan tâm, chăm sóc hay thăm hỏi gì đến nhau nữa là vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại Biên bản xác minh, chính quyền địa phương cũng xác nhận ông T1 – bà B có vài lần mâu thuẫn, cãi vã nhau nên địa phương có hòa giải nhưng không có kết quả, khoảng 02 năm nay không thấy vợ chồng chung sống với nhau nữa. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng ông T1 – bà B đã không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên việc bà B yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T1 là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Quá trình chung sống ông T1 – bà B có với nhau bốn người con chung, hiện hai người con tên Mang Hoàng C và Mang Thị Tiên Đ đã trưởng thành và lao động tự túc được, một người con chung tên M Phát Tài thì đã chết nên bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Thị Được L. Xét thấy, Tòa án đã thông báo cho ông T1 biết việc bà B yêu cầu được trực tiếp nuôi

người con chung tên Thị Đ1 Lắm nhưng ông T1 không có ý kiến phản đối gì, đồng thời xét cháu do bà B trực tiếp nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay và cháu cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B, giao cho bà B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Thị Được L.

[2.4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do bà B không yêu cầu ông T1 phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa là phù hợp với những nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tại phiên tòa là phù hợp với những nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Xét đơn xin miễn án phí của bà B thuộc trường hợp là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị B được ly hôn với ông Mang T1.

2. Về con chung: Giao cho bà Thị B được quyền trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung chưa thành niên là Thị Được Lắm, sinh ngày: 23/10/2013. Ông Mang T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Thị B.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thuận Bắc;
- Chi cục THADS huyện Thuận Bắc;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- UBND xã Phước Chiến (Số: 27/2018);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bảo Châu